

名字: _____

04/24/2020

dú pīn yīn
读拼音再把國字找出來。

shì chuān tuì huàn zhǎo qián fā shāo yù yuē gang cái jiàn kāng
zhào gù zhǒng lèi zǒu láng dào chù shè qū guàng jiē
màn huà shàng wǎng lǚ yóu chǎo nào yāo qǐng

健	康	机	吵	闹	试	乐	故	传	比
体	逛	度	漫	节	放	穿	期	沮	如
邀	色	街	玩	画	退	换	收	品	旅
社	请	服	打	种	国	俗	找	超	游
区	后	帮	厉	类	上	网	钱	为	分
刚	星	助	照	顾	有	月	对	面	到
认	才	是	耐	节	走	廊	位	顺	处
伤	为	节	预	约	夏	发	烧	选	举